TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Đ **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/KDTM-ST
Ngày 17.7.2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kiều My

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Phùng

Bà Vũ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hương là Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2019/TLST-KDTM ngày 12 tháng 3 năm 2019 về Tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST- KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2019/QĐST-KDTM ngày 20.6.2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH R; địa chỉ: Tầng 7, tháp T, Tòa nhà H, số 72 T, phường D, quận C, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà N.T.L.V (Theo giấy ủy quyền số 04 ngày 10/10/2018) - Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Công ty TNHH tư vấn đầu tư V; địa chỉ: Số 16 ngõ 121 phố T, phường T, quận Đ, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: bà M.T.C – Giám đốc. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2018 và các lời khai tiếp theo, bà N.T.L.C

là đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH R trình bày như sau: Công ty TNHH R (sau đây gọi tắt là Công ty R), đã ký kết với Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư V (sau đây gọi tắt là Công ty V) hai hợp đồng dịch vụ là Hợp đồng dịch vụ số 02/CBTP-ROS/2018 ngày 03/04/2018 và Hợp đồng dịch vụ số 03/CBTP-ROS/2018 ngày 10/05/2018 về việc đăng ký công bố sản phẩm cho 15 sản phẩm thực phẩm chức năng nhập khẩu của Công ty R với Cục An toàn thực phẩm – Bộ Y tế Việt Nam.

Sau khi ký hợp đồng, theo đúng cam kết Công ty R đã chuyển tiền tạm ứng để thực hiện dịch vụ cho Công ty V là 60% tổng giá trị hai hợp đồng, tương ứng số tiền là **188,100,000đ** (*Một trăm tám mươi tám triệu một trăm nghìn đồng*). Số tiền này đã được Công ty R thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Công ty V bằng Ủy nhiệm chi ngày 04/04/2018 và 14/05/2018.

Theo cam kết, trong vòng 60 ngày, chậm nhất đến ngày 08/08/2018 Công ty Vision C phải hoàn thành công việc của mình và bàn giao đầy đủ cho Công ty R 15 số đăng ký của 15 sản phẩm. Tuy nhiên, khi đã quá thời hạn cam kết Công ty V vẫn không nhận được bất kỳ một số đăng ký sản phẩm nào cho Công ty R. Thấy có dấu hiệu bất thường Công ty R đã kiểm tra và phát hiện Công ty V đã cố tình không thực hiện công việc theo hợp đồng: Công ty V đã không hề nộp hồ sơ đăng ký công bố 15 sản phẩm lên Cục An toàn thực phẩm, thậm chí còn không hề thực hiện kiểm nghiệm sản phẩm để xây dựng hồ sơ đăng ký sản phẩm.

Sau đó, do Công ty V nhiều lần đề nghị, Công ty R đã rất thiện chí gia hạn thêm thời gian cho Công ty V để thực hiện kiểm nghiệm sản phẩm và nộp hồ sơ đăng ký sản phẩm, thể hiện bằng việc ngày 19.9.2018, hai bên đã ký Thỏa thuận bổ sung số 1 kèm theo Hợp đồng số 02/CBTP-ROS/2018 ngày 03.4.2018 và Thỏa thuận bổ sung số 1 kèm theo Hợp đồng số 03/CBTP-ROS/2018 ngày 10.5.2018. Tuy nhiên do Công ty V vẫn cố tình không chịu làm kiểm nghiệm và nộp hồ sơ đăng ký sản phẩm nên Công ty R quyết định chấm dứt hợp đồng với Công ty V, yêu cầu Công ty V thanh lý hợp đồng và hoàn trả tiền tạm ứng. Sau nhiều lần trì hoãn, đến ngày 28/09/2018 Công ty V mới chịu thanh lý hợp đồng và ký Biên bản thỏa thuận thanh lý hợp đồng. Theo đó, chậm nhất đến ngày 03/10/2018 Công ty V phải hoàn trả lại cho Công ty R tổng số tiền Công ty R đã tạm ứng là: **188,100,000đ**

(*Một trăm tám mươi tám triệu một trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên, cho đến nay Công ty V vẫn không chịu hoàn trả số tiền nêu trên cho Công ty R, mà chỉ hứa hẹn hết ngày này qua ngày khác.

Công ty R nhận thấy rằng Công ty V không hề có ý định hoàn trả và cố tình muốn chiếm đoạt số tiền nêu trên của Công ty R. Bởi vậy, Công ty R yêu cầu Tòa án nhân dân Quận Đống Đa giải quyết buộc Công ty V phải hoàn trả cho Công ty R số tiền đã nêu ở trên là: **188.100.000đ** (*Một trăm tám mươi tám triệu một trăm nghìn đồng*).

Bị đơn Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư V: Trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, Công ty V vẫn hoạt động tại địa chỉ số 16 ngõ 121 phố T, phường T, quận Đ, Thành phố H. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho Công ty V đến tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng. Công ty V đều đã nhận được các văn bản của Tòa án và không đến Tòa làm việc nên Tòa án không thể lấy được lời khai, không thể tiến hành được việc đối chất, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Tòa án đã yêu cầu các đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của họ là có căn cứ và hợp pháp. Bị đơn đã nhận được Thông báo về việc giao nộp chứng cứ của Tòa án nhưng không xuất trình tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Công ty V vắng mặt không có lí do.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty R vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Công ty V phải hoàn trả cho Công ty R số tiền tạm ứng của hợp đồng dịch vụ là: **188.100.000đồng** (*Một trăm tám mươi tám triệu một trăm nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án nhân dân quận Đ đã triệu tập bị đơn hợp lệ nhiều lần đến Tòa để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng như lấy lời khai, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, tham gia phiên tòa; bị đơn đã nhận được các văn bản của Tòa án tại các biên bản giao nhận văn bản tố tụng vào ngày 14.3.2019, ngày 28.3.2019, ngày 04.4.2019, ngày 22.4.2019, ngày 07.5.2019; đã nhận được thông báo kết quả việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 28.5.2019; đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 06.6.2019 và Quyết định hoãn phiên tòa vào ngày 03.7.2019 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Theo đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty R khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty V phải trả lại số tiền tạm ứng của hợp đồng dịch vụ hai bên đã ký kết. Các bên đã ký biên bản thanh lý hợp đồng, quan hệ pháp luật tranh chấp là phát sinh từ hợp đồng dịch vụ và giữa các bên có mục đích lợi nhuận, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì Công ty V có địa chỉ trụ sở chính tại số 16 ngõ 121 phố T, phường T, quận Đ, Thành phố H. Vì vậy theo quy định tại khoản 1 điều 30, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Đ, Thành phố H.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của Công ty R yêu cầu Công ty V phải hoàn trả cho Công ty R số tiền là: **188.100.000đồng** (*Một trăm tám mươi tám triệu một trăm nghìn đồng*). Hội đồng xét xử nhận thấy: Tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, Công ty R và Công ty V có ký kết hai hợp đồng dịch vụ gồm: Hợp đồng dịch vụ số 02/CBTP-ROS/2018 ngày 03/04/2018 và Hợp đồng dịch vụ số 03/CBTP-ROS/2018 ngày 10/05/2018 về việc đăng ký công bố sản phẩm cho 15 sản phẩm thực phẩm chức năng nhập khẩu của công ty R với Cục An toàn thực phẩm – Bộ Y tế Việt Nam, tổng giá trị hai hợp đồng là 313.500.000 đồng. Công ty R đã chuyển tiền tạm ứng để thực hiện dịch vụ cho Công ty V là 60% tổng giá trị hai hợp đồng, tương ứng số tiền là **188,100,000đồng** bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Công ty V bằng Ủy nhiệm chi ngày 04/04/2018 và 14/05/2018. Nhưng sau đó, Công ty V đã không thực hiện được cam kết về việc cung ứng dịch vụ như trong hợp đồng đã ký kết. Ngày 19/9/2018, hai bên công ty tiếp tục ký thỏa thuận bổ sung số 1 kèm hợp đồng dịch vụ số 02/CBTP-ROS/2018 ngày 03/04/2018 và thỏa thuận bổ sung số 1 kèm hợp đồng dịch vụ số 03/CBTP-ROS/2018 ngày 10/05/2018 về việc gia hạn thời hạn thực hiện cung ứng dịch vụ. Do phía Công ty V vẫn không thực hiện được cam kết nên đến ngày 28/09/2018 Công ty V và Công ty R đã ký

hai Biên bản thỏa thuận thanh lý Hợp đồng dịch vụ số 02/CBTP-ROS/2018 ngày 03/04/2018 và biên bản thỏa thuận thanh lý Hợp đồng dịch vụ số 03/CBTP-ROS/2018 ngày 10/05/2018. Theo đó, hai bên xác nhận theo biên bản thỏa thuận thanh lý hợp đồng dịch vụ số 02/CBTP-ROS/2018 ngày 03/04/2018 thì Công ty V phải hoàn trả cho Công ty R toàn bộ số tiền tạm ứng trước là: 37.620.000đồng và theo biên bản thỏa thuận thanh lý hợp đồng dịch vụ số 03/CBTP-ROS/2018 ngày 10/05/2018 thì Công ty V phải hoàn trả cho Công ty R toàn bộ số tiền tạm ứng trước là: 150.480.000đồng. Việc thanh toán chậm nhất đến ngày 03/10/2018. Nhưng Công ty V đã không hoàn trả Công ty R tổng số tiền 188.100.000đồng tiền tạm ứng từ hai hợp đồng dịch vụ như đã cam kết. Việc hủy bỏ hợp đồng dịch vụ của hai bên công ty xuất phát từ việc Công ty V đã không thực hiện được cam kết về việc cung ứng dịch vụ như trong hợp đồng đã ký kết là phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, số tiền 188.100.000đồng là tiền tạm ứng từ hai hợp đồng dịch vụ và đã được Công ty V thừa nhận và cam kết trả cho Công ty R. Do vậy việc Công ty V phải hoàn trả cho Công ty R số tiền là: **188.100.000đồng** nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí, Công ty V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 74; Điều 78; Điều 82; Điều 312; Điều 314 Luật thương mại 2005.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH R đối với Công ty TNHH tư vấn đầu tư V.

- Buộc Công ty TNHH tư vấn đầu tư V phải hoàn trả cho Công ty TNHH R số tiền tạm ứng của hợp đồng dịch vụ là: **188.100.000đồng** (*Một trăm tám mươi tám triệu một trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Công ty TNHH R không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả Công ty TNHH R số tiền tạm ứng án phí 4.700.000đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008345 ngày 11/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đ. Công ty TNHH tư vấn đầu tư V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 9.405.000 đồng (Chín triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng) (Chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của Nguyên đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đ;
- TAND TP H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Kiều My